

## BẢN LUẬN QUYỂN 30

Thứ ba, Xứ Du-già, văn chia làm hai:

- 1) Trước kết, sau sinh.
- 2) Mở ra chương giải thích.

Đầu tiên nói rằng: “Đã nói Phẩm Bồ-đặc-già-la, đây là kết môn đầu trong mười chín môn của Du-già quyển hai, “Kiếm tập”, nghĩa là kết môn thứ hai.

Và “sở duyên v.v...”, kết môn thứ ba v.v..., cho đến “Hướng về người tu có quả, không có quả”: là kết môn thứ mười chín.

“Như nên an lập, nay ta sẽ nói” trở xuống có ba môn, như nên thưa hỏi mà an lập.

Thứ hai, trong mở ra chương, giải thích, trước, là tụng nêu ba môn. Sau, là văn xuôi giải thích riêng.

Đại ý trong bài tụng có hai:

- 1- Nói chung về ba môn.
- 2- Ở môn thứ ba, chia riêng làm năm, kết hợp với bốn câu tụng này có hai mươi chữ: tám chữ trên, nêu chung về ba môn; mười hai chữ dưới, chia riêng thành năm:

Đến chúc mừng, thăm hỏi là một; tìm kiếm mong cầu là thứ hai; mới an lập là thứ ba.

Theo phần an lập, có riêng năm câu:

- 1- Che chở nuôi nấng.
- 2- Xa lìa.
- 3- Một tánh cảnh.
- 4- Che lấp tịnh.
- 5- Tu tác ý.

Trong văn xuôi ở dưới, thì chia làm ba:

- 1- Giải thích đến chúc mừng thăm hỏi.
- 2- “Dùng lời lẽ Noãn mềm mỏng dịu dàng như thế”, là giải thích về sự tìm cầu.
- 3- Thứ ba đối với bốn xứ, dùng bốn nhân duyên để chính thức tìm cầu.

“Lại đối với năm xứ” trở xuống, là giải thích an lập. Trong giải thích về môn: 1/ Giải thích chữ “vãng”, tức đến thưa hỏi. 2/ “Thỉnh như thế v.v...” trở xuống, là giải thích về sự chúc mừng, thăm hỏi.

Trong giải thích về đến thỉnh, gồm có:

- 1/ Vì chứng tỏ lợi mình, muốn đến thưa hỏi, nên trụ ở bốn chỗ.

2/ “Chánh niệm như thế v.v...” trở xuống, là lúc cầu thỉnh thưa hỏi.

3/ “Sắp thưa hỏi.” Trở xuống, là nói về oai nghi thưa hỏi.

Tiếp theo là giải thích về sự chúc mừng, thưa hỏi.

4/ “Ta đối với v.v...” trở xuống, là chính thức nói về sự thưa hỏi.

Kế là, giải thích về sự chúc mừng, thăm hỏi, có mười hai câu khen ngợi sức cố gắng, chúc mừng, an ủi.

Thứ hai, trong giải thích về sự tìm cầu môn, trước là dùng bốn pháp để xét hỏi chỗ nên xét hỏi. Kế là, đối với bốn pháp Xứ, dùng bốn nhân duyên thích hợp với chính thức tìm cầu về xứ sở, căn hạnh, chủng tánh của nguyện:

1- Dùng xét hỏi.

2- Dùng ngôn luận.

3- Lấy công việc đã làm

4- Dùng trí biết tha tâm mà chính thức tìm cầu.

Đầu tiên, là dùng xét hỏi về căn hạnh, chủng tánh của phát nguyện kia. Kế là, “dùng ngôn luận để tìm cầu về ba thứ kia” trở xuống, là dùng nhân duyên ngôn luận thứ hai để tìm cầu về chủng tánh, căn hạnh v.v....

Trong dùng xét hỏi đầu tiên về phát nguyện đó, người kia đã tự biết, như hỏi đáp xong. Về chủng tánh, căn hạnh, người kia không tự biết. Do khó biết, nên vẫn còn phải dựa vào ngôn luận, công việc đã làm, trí biết tha tâm mà tìm cầu xem xét.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nhân duyên tìm cầu bốn xứ là đối với người lợi căn. Tại dựa vào ba nhân duyên dưới để tìm kiếm ba xứ, sở là đối với người độn căn, vì sao biết? Vì dưới đây, phát sinh ba nhân duyên tìm kiếm về lý do tự sinh khởi trong ba nơi chốn. Sự xét nghiệm ấy không nói đến người nghe pháp ba thừa trong chủng loại ba Thừa mà rơi lệ v.v.... Về vấn đề này, nếu y cứ ở người có tánh quyết định, thì trong xét nghiệm hạnh nói rằng: “Nếu có hành tham, thì người kia nghe vì nói ngôn luận mâu nhiệm, thanh tịnh, tức là phát niềm tin yêu, ưa thích v.v... rất thanh tịnh. Ý trong đây nói, do hành giả tham, tham giàu, vui, nghe nói cõi nước Phật được hình thành bằng bảy thứ báu, với ngôn luận mâu nhiệm thanh tịnh. Rồi phát niềm tin thanh tịnh cùng cực. Chẳng phải là cảnh dục bên ngoài, gọi là mâu nhiệm thanh tịnh, mà là do không thể phát niềm tin thanh tịnh cùng cực.

Trong giải thích về hành si, nói rằng: “Như nói về căn chậm lụt, hành si cũng thế. Ở trước, nói là người căn chậm lụt dù nghe nói về

ngôn luận thô cạn, nhưng với sức cố gắng xét nghĩ về nghĩa pháp, mới mong có thể lãnh thọ, hiểu rõ ràng thông suốt.”

Nay hành si này cũng thế. Nghe nói pháp thô, còn không thể hiểu nổi, huống chi nghe nói Niết-bàn thì làm sao có thể hiểu được một cách nhanh chóng. Cho nên, vì nghe nói thông suốt Niết-bàn, có thể lìa quả báo sinh tử tạp nhiễm, nên sinh tâm sợ hãi. Nếu từ lâu, với sức cố gắng xem xét, tư duy về nghĩa pháp mới có thể lãnh thọ, hiểu rõ ràng thông suốt. Nếu có người thực hành thông thả thì dù có nghe chính hóa, cũng không quy tín ngay. Nếu thực hành tâm, tư, nghe pháp nào mất pháp ấy. Pháp sư Thái nói: “Ở trước, y cứ ở nhập đạo, để nói về hành tham nay y cứ ở tà đạo để nói về hạnh tâm, tư, là vì chỉ muốn nói về hành tướng.

“Thứ ba, trong giải thích về môn an lập, trước, chia ra năm câu. Sau, theo thứ lớp từng tiết để giải thích.

Đầu tiên, giải thích về sự che chở, nuôi dưỡng tư lương định, tư lương tức là hai đạo tư lương của thế gian, xuất thế gian đã nói trong đạo xuất ly của nội Du-già ban đầu, có mười bốn môn.

Từ “Nếu tự viên mãn đến Sa-môn trang nghiêm”, (rộng như luận ấy có giải thích).

Nay, Với tư lương định của sự che chở nuôi dưỡng này, nên lại nêu văn kia, 1/ Nói về Luật nghi giới, từ so sánh mười ba môn; 2/ Giải thích về sự xa lìa. Trước chia ra ba câu. Kế là, giải thích, sau, là kết.

Đạo cán tích v.v.... Cán là nói cọng. Người phương Tây, thu hoạch lúa ngoài đồng ruộng, họ giữ lại rơm chất thành đống. Người thực hành đồ-đa, hoặc ở chỗ chất chứa.

Giường nằm bờ mé. Nghĩa là giường nằm rất thấp, rất xấu xí, mục nát, vứt vào xó, không ai thêm lấy.

Thứ ba, là giải thích tâm một cảnh tánh của tâm và chướng tịnh, trong đó có ba:

- 1- Giải thích tâm một cảnh tánh.
- 2- Giải thích chướng tịnh.
- 3- Dùng bài tụng gồm thâu chung.

Trong phần trước có ba: 1/ Chính giải thích tâm một cảnh tánh, 2/ nói tâm một cảnh tánh chung cho chỉ quán, 3/ nói về chín thứ gia hành.

Trong phần trước, trước là chung, kế là riêng, sau, là kết.

Trong phần chung có bốn câu:

- 1- Thường thường tùy niệm.
- 2- Sở duyên đồng phần.
- 3- Sự chảy rót tương ứng v.v... với vừa ý, vui vẻ.

4- Không có tội tương ứng v.v... với vừa ý, vui vẻ.

Dưới đây giải thích riêng về bốn câu này. Lại do niệm người kia rất tương ứng với cảnh không có lỗi đối với cảnh không có sở duyên. Trong đây ý nói vì hay bỏ đi nhiễm, nên được đạo rất yên ổn thành xong. Tự thể của sự vừa ý, vui vẻ mà gồm thâm với tương ứng, gọi là không có tội.

Thứ hai, nói về tâm một cảnh tánh chung cho cả chỉ, quán, trước chia ra hai môn, sau; giải thích hai môn, tong đó có hai:

1/ Giải thích bốn thứ tâm trụ của bốn phẩm.

2/ “Thế nào là bốn thứ Tỳ-bát-xá-na” trở xuống, là giải thích về bốn thứ hạnh, tuệ của Phẩm quán.

Tong phần trước có bốn:

1- Nêu ra.

2- Giải thích.

3- Nói về sáu thứ lực thành chín trụ tâm.

4- Nói về bốn thứ trụ tâm có bốn tác chung cho Phẩm Chỉ, Quán. Trong giải thích, Pháp sư Khuy Cơ v.v... nói: “chưa hẳn là tâm trong định trụ một” duyên” tức là đúng, vì tâm v.v... ghi chép trước nhất chưa hẳn là định, nên ở trước nói phẩm loại Xa-ma-tha này đều chẳng phải là Xa-ma-tha.

Pháp sư Thái nói: “Lià chìm, nổi gọi là Đẳng trụ. Xét tra đều quán khắp, gọi là trụ khắp, trước sau không có gián cách, gọi là phướng tiện nối tiếp nhau. Lià rối loạn, vắng lặng, gọi là lắng sạch. Phá trừ tùy phiền não tầm, từ ác, thất niệm đột nhiên khởi, tầm liền trừ khử ngay, gọi là rất vắng lặng”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nghĩa là có các thứ tầm, từ ác: dục, nhuế, hại v.v... các tùy phiền não: cái v.v... tham dục làm cho tâm nhiễu động, ở đây vì nêu lên tai họa lỗi lầm, mới sinh tưởng nhằm chán.”

Nói các tùy phiền não: Tham dục cái..., như Đối pháp quyển bảy chép: “Có phiền não đều là tùy phiền não, “Hoặc” căn bản kia cũng là tùy phiền não, có khi tùy phiền não chẳng phải phiền não, nghĩa là hai mươi thứ đẳng tùy hoặc” chỉ theo cái khác sinh, chẳng phải căn bản. Nay, tham dục v.v... vì cặp khi khởi theo cái khác, nên gọi là tùy phiền não.

Kế là nói về sáu thứ lực thành chín trụ tâm, Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đầu tiên do hai sức lắng nghe, tư duy, thường nghe, thường tư duy v.v... cho đến đẳng biến, an trụ v.v..., trong đây, nếu trước hết, do hai sức lắng nghe v.v... thì chỉ “nội trụ”: thứ nhất; thứ hai:” đẳng trụ”;

thứ ba, thứ tư An trụ, cận trụ do sức nhớ nghĩ, tức sức sơ, nhị gồm thân hai thứ. Trong văn lại nói rằng: “ Và tức đối với phương tiện lắng sạch, phương tiện nối tiếp nhau này mà an trụ khắp, tức giống như đều lấy an trụ thứ ba. Trước, giải thích về an trụ, nói biết cũng do sức sơ nhị thứ ba, thứ tư ở dưới đồng với sức nhớ nghĩ, làm sao thông suốt ư?

Thuật rằng: “ Thật ra an trụ thứ ba là gồm thân sức sơ nhị.

Nói an trụ, cận trụ trong sức nhớ nghĩ, ý trong đây nói, do sức nhớ nghĩ trong Cận trụ, chẳng phải tức an trụ hai pháp Cận trụ là sức nhớ nghĩ, tức chỉ cận trụ một thứ là sức nhớ nghĩ.”

Lại giải luận rằng: “ Đầu tiên, do lắng nghe hai sức tư duy, tức, “ nội trụ” là sơ, chỉ một “ nội trụ” đều là “Đẳng trụ” là sức sơ, nhị, an trụ kia là sức nhớ nghĩ. Như dưới đây nói: “ điều hòa thuận với vắng lặng là hai thứ định. Nay, nói an trụ Cận trụ là biết rõ gồm thân hai thứ, chứ chẳng phải an sự hiểu biết trong Cận trụ”.

Nếu vậy, thì vì sao lại nói: “ và, tức đối với lời nói an trụ khắp phương tiện v.v... lắng sạch, nối tiếp nhau này?

Thuật rằng: “ An trụ kia có cả ba lực. Nếu quán chưa thành, thì gồm thân hai lực sơ, nhị. Nếu quán hạnh thành thì gồm thân sức nhớ nghĩ. Lại nói đẳng biến an trụ, tức chứng tỏ một thứ đẳng trụ, chứ chẳng phải lấy an trụ. Vì đẳng biến” đối với các pháp v.v... thô động, an trụ là sức nhị. Nay, là tướng vắng và tức đối với phương tiện nối tiếp nhau này, an trụ khắp phương tiện lắng sạch, chính là thích đáng với lời giải thích về “Đẳng trụ” ở trước, vì sao văn này lại nói lấy an trụ thứ ba ư? Cho nên, biết sức sơ, nhị chỉ thành “nội trụ”, đồng thời “Đẳng trụ”, là do sức nhớ nghĩ thành cận trụ của an trụ kia.

Thứ tư, nói về chín thứ tâm trụ có bốn tác ý chung cho Phẩm Chỉ, Quán:

- 1- Nghe, tư duy.
- 2- Tác ý liễu tướng.
- 3- Thứ lớp năm tác ý thắng giải.
- 4- Tác ý của quả rốt ráo gia hạnh.

Luận sư Bị nói: “Hai tâm trụ trước vì là tiền phương tiện của bảy tác ý, nên gọi là sức cố gắng. Kế là năm trụ tâm là thuộc về tác ý liễu tướng, nên gọi là hữu gián.

Tâm trụ thứ tám có năm tác ý, tâm trụ thứ chín có tác ý quả.”

Hỏi: “Có phải là có bốn quán với bảy tác ý nhiếp nhau chăng?”

Luận sư Bị nói: “Vì Luận đã không nói, nên không nhiếp thuộc lẫn nhau. Nay văn này đã nói là tức do bốn tác ý tu Tỳ-bát-xá-na, nên

cũng là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Cho nên biết tùy theo sự thích ứng nhiếp thuộc nhau.

Từ đây trở xuống là thứ hai, giải thích phẩm quán, trong đó, thứ nhất, chính giải thích về bốn thứ Tỳ-bát-xá-na. Thứ hai, “Lại, tức Tỳ-bát-xá-na như thế do sáu sự của ba môn” trở xuống, là giải thích về “sở duyên” khác nhau của Phẩm Quán, trong đó có ba:

1/ Giải thích chung về đối tượng Duyên (sở duyên) khác biệt sáu sự của ba môn Tỳ-bát-xá-na.

2/ “Thế nào là siêng năng tu quán bất tịnh ” trở xuống, y cứ môn năm độ quán, nói riêng về đối tượng duyên khác nhau của sáu sự.

3/ “Như thế, dựa vào quán sai khác của sáu sự Tầm, Tư, đối tượng duyên của hạnh chỉ tịnh” trở xuống, là tổng kết, dựa vào sáu sự Tầm, Tư, sở duyên của tịnh hạnh, quán xong, Chỉ, Quán giúp nhau về tịnh thiện xảo kia. Hoặc quán sáu sự chỉ sẽ nói là xứ. Trong phần đầu Luận sư Cảnh nói: “Đạo lý pháp nhĩ đối với các pháp như thật đều thành lập pháp-tánh, do đâu mắt thấy, mà tai v.v... không thấy?

Khó tư duy pháp-tánh, nghĩa là như đất cứng v.v.... An trụ pháp-tánh, nghĩa là vì sao thế-giới sắp bày... như thế?

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tuệ gồm sáu việc của ba môn. Bốn thứ Tỳ-bát-Xá-Na, nghĩa là tuệ này mỗi việc đều có cả sáu sự của ba môn.

Nói thành lập pháp-tánh; khó tư duy pháp-tánh; an-trụ pháp-tánh v.v..., nghĩa là như vì tánh tạo tác, nên lại thành lập tiếng vô-thường, đây là thành lập tánh pháp. Như nghiệp, cỏ thuốc, chú thuật, là khó tư duy pháp tánh, nghĩa là hạt giống pháp nhĩ, tánh khác nhau của ba thừa, gọi là an-trụ pháp-tánh. Sự thứ hai của tầm, Tư vì tự-tướng trong tướng thứ ba, nên khởi sự giác bờ mé v.v.... Mỗi tự tướng của sắc, thọ v.v... của Tầm, Tư đều được giới hạn của phần pháp khởi sự giác biên v.v.... Cộng tướng trong tướng thứ ba, phẩm thứ tư, thời thứ năm và lý thứ sáu, vì xứng pháp mà biết, nên khởi giáo như thật.

Thứ hai, y cứ Năm Độ Quán, phân biệt riêng đối tượng duyên của sáu sự. Văn tức là năm.

Đầu tiên, phân biệt về quán Bất tịnh. Nghĩa là sự Tầm, Tư, Trong đó nói rằng: “Xấu hôi sinh ra hôi. Pháp-sư Thối nói: Như thức ăn đến chín, gọi là xấu hôi, chưa đến phần-vị chín, gọi là sinh hôi.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Vì đổi thay, hư hoại, nên hôi, gọi là xấu hôi, như phân như nhớt v.v..., như rau ung, tỏi v.v....”

Nói về chín trắng-giải trong tự-tướng ngoài Tầm, Tư. Dưới đây

y cứ ở ba biến đổi thuộc về chín tướng rất dễ hiểu. Nghĩa là từ cái vạc máu v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “Dạ dày là vạc máu để chứa đựng nhiều máu nóng.”

Pháp sư Thái nói: “Nếu người tự tử, thì các mạch máu vận-chuyển lưu thông bên trong đã hết. Nếu bị người khác giết, thì máu sẽ chảy hết ra ngoài, ở trên nói máu đã chảy hết, là nói ở đây.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đầu, mình, dạ dày là vạc máu, vì công năng tự máu nóng. Một là lấy giả gọi là tơ năm màu vẽ thành gỗ, đá, bùn v.v... tạo thành tướng bộ xương. Ngài Tam-Tạng nói “muốn thực hành quán bất tịnh, trước hết, quán xương giả.” Thối Pháp-Sư nói “Hành giả tu quán, muốn quán bất tịnh khi không có xương khác, thì được lấy gỗ, đá v.v... giả làm bộ xương, để tu quán bất tịnh. Vì chẳng phải xương, nên chỉ gọi là bộ xương. Nếu được Xương thật để quán bất tịnh thì mới gọi là quán bộ xương. Do lý này, nên nói về mười tướng rằng: “Hoặc Xương, hoặc vòng xích, kể cả bộ xương là đều cùng phẩm đổi thay, hư hoại. Như thế, xương và vòng xích v.v..., bị lửa, nước làm mục nát, gọi là bị cái khác làm hư hoại.”

Cộng tướng Tâm, Tư: bấy giờ, hành giả biết tịnh sắc của tự thân bên trong chưa hư hoại, nhưng đồng với sắc đã đổi thay, hư hoại ngoài thân, đổi thay, hư hoại pháp-tánh giống như bất tịnh, gọi là lá cộng tướng.

Lúc Tâm Tư: là các sắc tướng nội tịnh, sắc bất tịnh bên ngoài đều ở hiện tại. Trong các sự sinh này đã diệt, quá khứ từng là sắc tướng tịnh mà nay đã chết, hiện đang có các thứ bất tịnh nối tiếp nhau mà khởi. Nay, ta hiện có sắc tướng giống như tịnh, ở đời vị lai không tướng đương với bất tịnh, như sắc bất tịnh ngoài hiện tại hôm nay thì không có việc đó. Nói rằng như thế trong lý Tâm, Tư, gọi là dựa vào thắng nghĩa của thế tục, kể cả đạo lý của nhân duyên quán đái Tâm, Tư.

Luận sư Cảnh nói: “Trước nói Vô-ngã, chỉ giả ngôn thuyết nói là tịnh, bất tịnh, là gọi là đạo lý Quán đái thắng nghĩa. Kế nói là phiền não nghiệp trước của mạng, noãn, thức, tạm giống như tịnh v.v... đó gọi là đạo lý quán đái nhân duyên của thế tục.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ở trước đã giải thích về vô ngã bên trong là thắng nghĩa. Lại, như nói: “Cho đến nói là màu xanh, bầm v.v... cho đến bộ xương, đây là thế tục. Nay, kết tỳ theo lời nói, tức là chẳng phải dựa vào kết thứ lớp. Lại, dựa vào kết theo thứ lớp, tư duy, so sánh rất dễ hiểu.”

Nay giải-thích về vô ngã trong, ngoài, giả nói là tịnh, bất tịnh, gọi

là đạo lý quán đãi thắng nghĩa. Lại, như nói rằng: “Cho đến bộ xương, gọi là đạo lý quán đãi thế tục.” Nay, nghiệp phiền não trước của thân này của ta đã dẫn phát v.v..., gọi là đạo lý quán đãi nhân duyên. Dưới đây nói: “Ta cũng tự có thể thấy ở thân trong, ngoài, là hiện lượng của nhãn thức, cho đến hay dứt trừ tham dục là hiện tượng của Diệt trí, nghĩa là nghĩ rằng: “Thế nào là hôm nay, tác ý tư duy về pháp hay đối trị, có thể đối với phiền não sẽ sinh của cảnh giới “sở duyên của chủ thể trị”. Pháp sư Khuy Cơ giải thích trong đây với ý rằng: “Cảnh bất tịnh bên ngoài, gọi là chủ thể đối trị, vì trị tham dục, do “duyên” sắc bất tịnh, nên tất nhiên, chủ thể trị phiền não sẽ sinh của cảnh tịnh sở duyên. Nghĩa là lập lượng rằng.

“Lúc “duyên” bất tịnh, thì lẽ ra chủ thể trị dục tham. Vì “duyên” chủ thể trị. Như lúc “duyên” vô tướng, có thể dứt bỏ hữu tướng.

Thứ hai, là nói về quán tu từ, nghĩa là quán sở duyên khác nhau của sáu sự Tâm, Tư, như văn rất dễ hiểu.

-----